

Số: **59**/KL-TTr

Hà Nội, ngày **11** tháng 4 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chấp hành các quy định của pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội tại tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Quyết định số 41/QĐ-TTr ngày 15/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBOXH) về thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chấp hành các quy định của pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội (sau đây viết tắt là TGXH) tại tỉnh Bắc Kạn, từ ngày 27/02/2023 đến ngày 17/3/2023, Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh tại Sở LĐTBOXH; Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Chợ Đồn và 02 đơn vị cấp xã thuộc huyện Chợ Đồn (xã Đồng Thắng, thị trấn Bằng Lũng); Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn và các tổ chức, cá nhân có liên quan; kiểm tra 798 hồ sơ (Sở LĐTBOXH: 22 hồ sơ; Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn: 82 hồ sơ; huyện Chợ Đồn: 245 hồ sơ; xã Đồng Thắng: 166 hồ sơ; thị trấn Bằng Lũng: 283 hồ sơ); xác minh trực tiếp 43 đối tượng bảo trợ xã hội (xã Đồng Thắng: 12 đối tượng; thị trấn Bằng Lũng: 26 đối tượng; xã Ngọc Phái: 05 đối tượng). Thời kỳ thanh tra từ năm 2021 đến tháng 02/2023.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 28/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra Bộ LĐTBOXH kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Bắc Kạn là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc Bộ, diện tích tự nhiên 485.941 ha, dân số 324.353 người, 07 dân tộc sinh sống (Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông, Hoa và Sán Chay), trong đó dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ hơn 88%; 08 đơn vị hành chính cấp huyện (07 huyện, 01 thành phố) với 108 xã, phường, thị trấn, trong đó có 02 huyện nghèo và 67 xã đặc biệt khó khăn. Năm 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 6,01%, thu nhập bình quân đầu người đạt 46,3 triệu đồng/người, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều chiếm 24,71%.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về TGXH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Tại Sở LĐTBOXH

- Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 08 văn bản chỉ đạo; Sở LĐTBOXH ban hành 03 văn bản tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về TGXH.



- Đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 quy định mức chuẩn TGXH, mức TGXH đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác tại tỉnh Bắc Kạn (có hiệu lực từ ngày 01/01/2023): mở rộng 03 nhóm đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ được hưởng chính sách TGXH; quy định tiền ăn tăng thêm các ngày lễ, tết, ngày bị ốm phải điều trị tại cơ sở y tế đối với đối tượng đang chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở TGXH công lập. Trước khi Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 có hiệu lực, mức chuẩn TGXH, mức TGXH đối với đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 (Công văn số 3437/UBND-VXNV ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn).

1.2. Tại huyện Chợ Đồn

UBND huyện đã ban hành 16 văn bản chỉ đạo và Phòng LĐTBXH huyện ban hành 08 văn bản hướng dẫn các đơn vị chuyên môn, cấp xã triển khai thực hiện chính sách TGXH.

1.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

UBND cấp xã đã tham mưu Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng an ninh, trong đó có chính sách TGXH; UBND cấp xã đã ban hành văn bản triển khai, thực hiện chính sách TGXH.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến

2.1. Tại Sở LĐTBXH

- Chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH.
- Đã phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách TGXH tại Cổng thông tin điện tử của Sở; đăng 08 tin bài tại Cổng thông tin điện tử của Sở về các hoạt động TGXH (năm 2021: 07 tin bài; năm 2022: 01 tin bài).

2.2. Tại huyện Chợ Đồn

- Chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH.
- Đã phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách TGXH thông qua hệ thống đài truyền thanh, lồng ghép tại các buổi giao ban định kỳ hằng quý giữa cán bộ văn hóa - xã hội với Phòng LĐTBXH huyện.

2.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

- Chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH.
- Chưa bố trí kinh phí và chưa thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về xác định mức độ khuyết tật.
- Đã lồng ghép phổ biến các văn bản pháp luật về TGXH đến các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thông qua các buổi họp do UBND cấp xã tổ chức.

3. Công tác tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ

3.1. Tại Sở LĐTBXH

- Đã tổ chức 06 lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho 570 người là công chức thuộc Phòng LĐTBXH, cơ sở bảo trợ xã hội, công chức văn hóa - xã hội cấp xã, cộng tác viên y tế, trưởng thôn, hội người cao tuổi, Mặt trận tổ quốc và hội phụ nữ cấp xã; tổng kinh phí 231.702.200 đồng (năm 2021: 03 lớp, kinh phí 79.255.000 đồng; năm 2022: 03 lớp, kinh phí 152.447.200 đồng; năm 2023: chưa thực hiện). Chứng từ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Xác minh 03 trường hợp (bà Hoàng Thị Niệm - công chức Phòng LĐTBXH huyện Chợ Đồn; bà Nguyễn Thị Hồng, công chức văn hóa - xã hội thị trấn Bằng Lũng và bà Ngọc Thị Yên, y tế thôn Bản Tàn, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn), kết quả: 03/03 trường hợp khẳng định có tham gia lớp tập huấn nâng cao lực cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên công tác xã hội về TGXH và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí do Sở LĐTBXH tổ chức năm 2022.

- Năm 2022, Sở LĐTBXH phối hợp với Cục Bảo trợ xã hội (chủ trì) tổ chức 03 lớp tập huấn cho 300 người làm công tác giảm nghèo, TGXH tại tỉnh Bắc Kạn, trong đó có nội dung về kỹ năng, nghiệp vụ về công tác xã hội trong công tác trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội.

3.2. Tại huyện Chợ Đồn

- Đã tổ chức 03 lớp tập huấn cho 492 người là công chức văn hóa - xã hội cấp xã và trưởng thôn; tổng kinh phí 117.614.000 đồng (năm 2021: 02 lớp, kinh phí 50.306.000 đồng; năm 2022: 01 lớp, kinh phí 67.308.000 đồng; năm 2023: chưa thực hiện). Chứng từ được lưu trữ đầy đủ theo quy định pháp luật.

- Xác minh 01 trường hợp (ông Triệu Văn Thạch, công chức văn hóa - xã hội xã Đồng Thắng), kết quả: ông Triệu Văn Thạch khẳng định có tham gia lớp tập huấn triển khai chính sách TGXH năm 2021 do Phòng LĐTBXH huyện tổ chức.

- Chưa tổ chức hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.

3.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

Chưa tổ chức hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra

4.1. Tại Sở LĐTBXH

a) Công tác thanh tra, kiểm tra

- Đã thực hiện 17 cuộc kiểm tra thực hiện chính sách TGXH (năm 2021: 09 cuộc kiểm tra tại Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn và 08 đơn vị cấp huyện; năm 2022: 08 cuộc kiểm tra tại Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn và 07 đơn vị cấp huyện).

- Năm 2023, đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra (trong đó có 01 cuộc thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn), tại thời điểm thanh tra, Sở LĐTBXH chưa thực hiện.

b) Công tác xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Đã tiếp nhận 05 đơn của công dân và xử lý theo quy định của pháp luật (năm 2021: 02 đơn; năm 2022: 03 đơn).

4.2. Tại huyện Chợ Đồn

a) Công tác thanh tra, kiểm tra

- Chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách TGXH theo nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND huyện.

- Phòng LĐTBXH chưa thực hiện kiểm tra công tác xác định mức độ khuyết tật trong địa bàn huyện.

b) Công tác xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong kỳ thanh tra, không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị về lĩnh vực bảo trợ xã hội.

4.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

Trong kỳ thanh tra, không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị về lĩnh vực bảo trợ xã hội.

II. Tổ chức thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng bảo trợ xã hội

1. Hệ thống cơ sở TGXH

1.1. Cơ sở TGXH

- Tại thời điểm thanh tra, toàn tỉnh có 01 cơ sở TGXH đã được thành lập và cấp phép hoạt động: Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn.

- Cơ sở TGXH chưa được đăng ký, cấp phép hoạt động: không.

1.2. Tại Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn (sau đây gọi là Cơ sở)

a) Chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình hoạt động: cơ sở công lập, trực thuộc Sở LĐTBXH theo Quyết định thành lập số 1885/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn; Giấy phép hoạt động số 2014/QĐ-LĐTBXH ngày 27/9/2019 và Quyết định số 2945/QĐ-LĐTBXH ngày 14/12/2021 của Sở LĐTBXH về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động của Cơ sở.

- Chức năng, nhiệm vụ: tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội, bao gồm người khuyết tật, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phòng và điều trị rối nhiễu tâm trí; cung cấp các dịch vụ công tác xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội và cộng đồng.

b) Vị trí và cơ sở vật chất

- Điều kiện về môi trường và vị trí, khuôn viên: có vị trí địa lí thuận tiện về tiếp cận giao thông; công cơ sở có biển ghi tên và địa chỉ rõ ràng; có tường rào và đèn chiếu sáng đảm bảo an toàn; có hệ thống thoát nước, xử lý rác, chất thải; môi trường thoáng mát, nhiều cây xanh.

- Cơ sở vật chất: tổng số diện tích 76.786,6m², gồm: khu làm việc của cán bộ, nhân viên; khu nhà ở riêng cho đối tượng nam, nữ; người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật; khu nhà bếp và phòng ăn chung cho đối tượng; phòng sinh hoạt chung, khu vui chơi giải trí; phòng tang lễ, nhà thấp hương cho đối tượng qua đời.

- Công trình, trang thiết bị phục vụ cho từng đối tượng: phòng ở của đối tượng kiên cố, sạch sẽ, có cửa sổ đảm bảo ánh sáng, thông thoáng, được trang bị các vật dụng cá nhân; nhà vệ sinh, nhà tắm phù hợp với các nhóm đối tượng.

c) Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, nhân viên

- Tổ chức bộ máy: Ban Giám đốc (Phó Giám đốc phụ trách và 01 Phó Giám đốc); 02 phòng chuyên môn (Phòng Tổ chức hành chính - Giáo dục tư vấn; Phòng Y tế - chăm sóc).

- Tổng số viên chức, người lao động: 32 người (22 cán bộ nữ và 10 cán bộ nam), trong đó: 15 viên chức và 17 lao động hợp đồng.

- Trình độ trên đại học: 02 người (thạc sĩ kinh tế chính trị: 01 người; thạc sĩ quản lý giáo dục: 01 người); đại học: 12 người (công tác xã hội: 01 người; y học: 01 người; sư phạm: 04 người; tài chính kế toán: 03 người; luật: 02 người; xây dựng: 01 người); cao đẳng: 08 người (sư phạm: 05 người; điều dưỡng: 03 người); trung cấp: 07 người (y sĩ: 03 người; văn thư: 01 người; nấu ăn: 03 người); chưa qua đào tạo: 03 người (bảo vệ: 01 người và chăm sóc trực tiếp đối tượng: 02 người).

d) Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội

- Tại thời điểm tháng 02/2023, tổng số đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Cơ sở là 83 người: 27 trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng (18 trẻ em dưới 04 tuổi, 09 trẻ em từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi); 02 trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo; 05 người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp; 11 người cao tuổi thuộc hộ nghèo, không có người phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng; 35 người khuyết tật đặc biệt nặng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống; 03 đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.

- Đã cập nhật đầy đủ thông tin của đối tượng tại hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đối tượng <http://trungtambtxh.btxh.gov.vn>; hồ sơ quản lý được lập theo từng đối tượng, lưu giữ đầy đủ, phân loại nhóm đối tượng, theo từng năm.

- Cơ sở cho 13 đối tượng là trẻ em mồ côi về gia đình người thân trong dịp Tết Nguyên đán năm 2023 (từ 08 ngày đến 16 ngày) theo Quy chế quản lý đối tượng bảo trợ xã hội được ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-CSBTXH ngày 28/01/2022. Hồ sơ gồm đơn xin đón thân nhân về thăm gia đình, có xác nhận của UBND xã;

biên bản bàn giao đối tượng cho gia đình; trong thời gian về thăm người thân không được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng.

đ) Hồ sơ, quy trình tiếp nhận và dừng TGXH

- Hồ sơ, quy trình tiếp nhận đối tượng:

+ Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Cơ sở đã tiếp nhận 23 đối tượng (năm 2021: 02 đối tượng, năm 2022: 20 đối tượng, năm 2023: 01 đối tượng).

Kiểm tra 23 hồ sơ nêu trên, gồm 20 hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi, 02 hồ sơ người khuyết tật đặc biệt nặng, 01 hồ sơ người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng, kết quả: đúng đối tượng được tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; hồ sơ lưu trữ đầy đủ theo quy định pháp luật.

+ Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp: Cơ sở tiếp nhận 29 đối tượng thuộc diện người khuyết tật đặc biệt nặng dạng thần kinh, tâm thần có hành vi nguy hiểm cho bản thân, gia đình và cộng đồng theo Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn.

Kiểm tra 29 hồ sơ nêu trên, kết quả: hồ sơ thể hiện đúng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp; đầy đủ giấy tờ, tài liệu theo quy định pháp luật. Tại thời điểm thanh tra, 26 đối tượng đã trở về gia đình, địa phương sinh sống; 03 đối tượng đang trong thời gian nuôi dưỡng khẩn cấp 03 tháng.

- Hồ sơ dừng TGXH: Cơ sở đã dừng TGXH đối với 57 đối tượng (năm 2021: 26 đối tượng; năm 2022: 30 đối tượng; năm 2023: 01 đối tượng).

Kiểm tra 30 hồ sơ đối tượng dừng TGXH năm 2022 (07 hồ sơ đối tượng được nhận làm con nuôi; 23 hồ sơ đối tượng trở về gia đình), kết quả: hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e) Thực hiện chính sách TGXH

- Quy trình TGXH: đã thực hiện các bước quy trình TGXH đối với các đối tượng theo quy định pháp luật.

- Nuôi dưỡng: mức trợ cấp nuôi dưỡng theo quy định pháp luật; đã bố trí ăn ngày 03 bữa, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho đối tượng; đã lưu mẫu thức ăn theo quy định pháp luật; đã trang cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt hằng ngày, đồ dùng học tập, sách giáo khoa đối với đối tượng đang đi học.

- Chăm sóc sức khỏe:

+ Đã mua bảo hiểm y tế cho đối tượng; bố trí phòng y tế, thiết bị, dụng cụ y tế, tủ thuốc phục vụ đối tượng; đã xây dựng kế hoạch phục hồi chức năng cho đối tượng; khám và điều trị bệnh thông thường cho đối tượng (năm 2021: 665 lượt người; năm 2022: 694 lượt người); đối tượng có bệnh vượt quá khả năng của Cơ sở được chuyển tuyến trên điều trị (năm 2021: 42 lượt người; năm 2022: 40 lượt người; năm 2023: 03 lượt người); phối hợp với Trạm Y tế phường Đức Xuân tổ chức tiêm phòng và uống vitamin A, uống vắc xin phòng bệnh bại liệt cho 124

lượt trẻ em (năm 2021: 53 lượt trẻ em; năm 2022: 44 lượt trẻ em; năm 2023: 27 lượt trẻ em).

+ Chưa tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ 06 tháng và hằng năm đầy đủ cho từng đối tượng: năm 2021 chưa kiểm tra sức khỏe đối với 21 trẻ em; năm 2022 chưa kiểm tra sức khỏe đối với 08 trẻ em (*chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

- Học văn hóa và học nghề: đã tổ chức học văn hoá, học nghề cho 58 đối tượng, năm 2021: 24 đối tượng (học văn hóa: 16 đối tượng; học nghề: 08 đối tượng); năm 2022: 19 đối tượng (học văn hóa: 10 đối tượng; học nghề: 09 đối tượng); năm 2023: 15 đối tượng (học văn hóa: 10 đối tượng, học nghề: 05 đối tượng).

- Văn hóa, thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí: đã bố trí phòng thư viện với gần 600 đầu sách cho đối tượng học tập, giải trí; bố trí sân bóng, sân chơi thể thao, khu vui chơi ngoài trời cho trẻ em; tổ chức sinh nhật theo quý, tổ chức văn nghệ nhân các ngày lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động lao động, sản xuất trị liệu: đã tổ chức cho các đối tượng trồng rau, chăm sóc cây xanh, dọn dẹp vệ sinh tại Cơ sở.

g) Về tài chính

- Kinh phí được bố trí 7.313.418.500 đồng (năm 2021: 2.314.199.000 đồng; năm 2022: 2.367.476.500 đồng; năm 2023: 2.631.743.000 đồng); kinh phí đã sử dụng 4.725.990.250 đồng (năm 2021: 2.133.785.500 đồng; năm 2022: 2.429.129.500 đồng; năm 2023: 163.075.250 đồng). Sở LĐTBXH đã duyệt quyết toán năm 2021.

- Kinh phí được tài trợ của tổ chức Kinderhilfe (Cộng hoà Liên bang Đức) 352.079.000 đồng (năm 2021 là: 249.320.000 đồng; năm 2022: 102.759.000 đồng); đã chi hết tổng số tiền được tài trợ.

- Thu từ nguồn tổ chức, cá nhân từ thiện 262.500.000 đồng (năm 2021: 79.800.000 đồng; năm 2022: 162.500.000 đồng; năm 2023: 20.200.000 đồng); chi 198.421.000 đồng (năm 2021: 60.246.500 đồng; năm 2022: 138.174.500 đồng).

- Đã ban hành quy chế làm việc; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

- Kiểm tra xác suất một số chứng từ, cụ thể như sau:

+ Chứng từ chi tiền ăn tháng 6/2021 và tháng 7/2021 thể hiện Cơ sở đã điều chỉnh mức tiền ăn cho đối tượng đúng thời gian Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/7/2021; chứng từ được lưu trữ đầy đủ.

+ Chứng từ chi tiền ăn tháng 01/2022: có 02 đối tượng chuyển tuyến điều trị bệnh (Hà Văn Huân và Triệu Thị Lan) từ ngày 24-27/01/2022, đã thực hiện cắt cơm trong thời gian đối tượng không ở tại Cơ sở.

+ Chứng từ chi tiền ăn tháng 01/2023: đã thực hiện cắt cơm trong thời gian đối tượng không ở tại Cơ sở; đã bố trí cho đối tượng ăn thêm theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; chứng từ lưu trữ đầy đủ.

+ Chứng từ cấp, phát thuốc tháng 12/2022: chi theo thực tế phát sinh, tối đa không quá 100.000 đồng/người/tháng.

+ Chứng từ mua sắm quần, áo, vật dụng cá nhân cho đối tượng tháng 9/2022: chứng từ lưu trữ đầy đủ, việc cấp phát được thực hiện theo quy định pháp luật.

+ Chứng từ chi tháng 12/2022 từ nguồn tài trợ của tổ chức Kinderhilfe (Cộng hoà Liên bang Đức): đã chi hỗ trợ ăn thêm, chi cho giáo viên dạy phụ đạo cho trẻ em đang theo học văn hoá; chi mua tủ, quần áo, thuốc chữa bệnh thông thường, vật dụng cá nhân cho trẻ em đúng mục đích của nhà tài trợ; chứng từ lưu trữ đầy đủ.

- Chưa thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

2. Công tác quản lý đối tượng BTXH

2.1. Tại Sở LĐTBXH

- Tại thời điểm tháng 02/2023, tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng trong toàn tỉnh là 14.969 người, trong đó:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 74 người

+ Người từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi đang đi học: 33 người.

+ Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo: 97 người.

+ Người đơn thân nghèo đang nuôi con: 850 người.

+ Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng: 62 người.

+ Người từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 1.039 người.

+ Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng: 3.405 người.

+ Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng: 5.330 người.

+ Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 4.079 người.

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân hưởng kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội: 1.177 người.

- Đã sử dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng (<https://misposasoft.molisa.gov.vn>), phần mềm quản lý đối tượng tại cơ sở TGXH (<https://trungtambtxh.btxh.gov.vn>).

2.2. Tại huyện Chợ Đồn

- Tại thời điểm tháng 02/2023, tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng 2.177 người, trong đó:

- + Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 11 người.
- + Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang đi học: 04 người.
- + Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 467 người.
- + Người bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo: 10 người.
- + Người đơn thân nghèo đang nuôi con: 113 người.
- + Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng: 11 người.
- + Người từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 103 người.
- + Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng: 523 người.
- + Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng: 935 người.
- Tổng số hộ gia đình, cá nhân hưởng kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội: 338 người.
- Đã sử dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng (<https://misposasoft.molisa.gov.vn>) và sổ quản lý đối tượng bảo trợ xã hội.

2.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

a) Tại xã Đồng Thắng

- Tại thời điểm tháng 02/2023, tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng 130 đối tượng, trong đó:
 - + Người đơn thân nghèo đang nuôi con: 04 người.
 - + Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng: 01 người.
 - + Người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng: 38 người.
 - + Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng: 87 người.
- Tổng số hộ gia đình, cá nhân hưởng kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội: 25 người.
- Đã rà soát, thống kê, phân loại đối tượng; sử dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng (<https://misposasoft.molisa.gov.vn>); hồ sơ đối tượng được lưu trữ theo từng loại đối tượng và từng năm.

b) Tại thị trấn Bằng Lũng

- Tại thời điểm tháng 02/2023, tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng 199 người, cụ thể:
 - + Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 02 người.

- + Người từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi đang đi học: 02 người.
- + Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 12 người.
- + Người bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo: 06 người.
- + Người đơn thân nghèo đang nuôi con: 06 người.
- + Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng: 01 người.
- + Người từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn: 05 người.
- + Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng: 46 người.
- + Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng: 119 người.
- Tổng số hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng: 56 người.
- Đã rà soát, thông kê, phân loại đối tượng; sử dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng (<https://misposasoft.molisa.gov.vn>); hồ sơ đối tượng được lưu trữ theo từng loại đối tượng và từng năm.

3. Công tác tiếp nhận, thẩm định, xét duyệt hồ sơ

3.1. Tại Sở LĐTBXH

Kiểm tra 22 hồ sơ thẩm định của Sở LĐTBXH về việc tiếp nhận đối tượng vào cơ sở TGXH, kết quả: đúng đối tượng được cơ sở tiếp nhận (năm 2021: 01 hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi; năm 2022: 20 hồ sơ, trong đó 17 hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi, 02 hồ sơ người khuyết tật đặc biệt nặng, 01 hồ sơ người cao tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng; năm 2023: 01 hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi); hồ sơ đầy đủ giấy tờ, tài liệu và thời hạn thẩm định đảm bảo theo quy định pháp luật.

3.2. Tại huyện Chợ Đồn

a) Hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội

- UBND huyện đã ban hành quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối với 1.885 đối tượng (năm 2021: 1.031 đối tượng; năm 2022: 799 đối tượng; năm 2023: 55 đối tượng).

- Kiểm tra 145 hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng lưu tại UBND huyện (29 hồ sơ thuộc xã Đồng Thắng; 65 hồ sơ thuộc thị trấn Bằng Lũng; 24 hồ sơ thuộc xã Ngọc Phái; 27 hồ sơ thuộc xã Yên Phong), kết quả: hồ sơ đầy đủ và thời điểm hưởng trợ cấp thực hiện theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, có 06 trường hợp thời gian quyết định trợ cấp của UBND huyện không đảm bảo trong thời hạn 03 ngày làm việc theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021:

1. Bà Hương Thị Thong, sinh ngày 23/9/1948, thôn Nà Tùm, xã Ngọc Phái, đối tượng người khuyết tật nặng: tờ trình thẩm định của Phòng LĐTBXH ngày 18/8/2021; quyết định trợ cấp của UBND huyện ngày 13/9/2021 (17 ngày làm việc).

2. Ông Hoàng Văn Toan, sinh ngày 14/8/1943, thôn Nà Chang, xã Đồng Thắng, đối tượng khuyết tật nặng: tờ trình thẩm định của Phòng LĐTBXH ngày 15/6/2022; quyết định trợ cấp của UBND huyện ngày 23/6/2022 (07 ngày làm việc).

3. Ông La Phương Ly, sinh ngày 07/9/2015, thôn Bản Tàn, thị trấn Bằng Lũng, đối tượng khuyết tật nặng là trẻ em: tờ trình thẩm định của Phòng LĐTBXH ngày 16/3/2022; quyết định trợ cấp của UBND huyện ngày 29/3/2022 (10 ngày làm việc).

4. Bà Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 14/01/2014, tổ 6B thị trấn Bằng Lũng, đối tượng khuyết tật nặng là trẻ em: tờ trình thẩm định của Phòng LĐTBXH ngày 16/3/2022; quyết định trợ cấp của UBND huyện ngày 29/3/2022 (10 ngày làm việc).

5. Bà Đỗ Ngọc Anh, sinh ngày 25/10/2014, tổ 6A thị trấn Bằng Lũng, đối tượng khuyết tật nặng là trẻ em: tờ trình thẩm định của Phòng LĐTBXH ngày 16/3/2022; quyết định trợ cấp của UBND huyện ngày 28/3/2022 (09 ngày làm việc).

6. Bà Nguyễn Thảo Chi, sinh ngày 26/9/2014, tổ 6A thị trấn Bằng Lũng, đối tượng người khuyết tật nặng là trẻ em: tờ trình thẩm định của Phòng LĐTBXH ngày 16/3/2022; quyết định trợ cấp của UBND huyện ngày 28/3/2022 (09 ngày làm việc).

- Kiểm tra 47 hồ sơ hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó 42 hồ sơ chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng (06 hồ sơ thuộc xã Đồng Thắng; 26 hồ sơ thuộc thị trấn Bằng Lũng; 10 hồ sơ thuộc xã Ngọc Phái), 05 hồ sơ người khuyết tật nặng nuôi con dưới 36 tháng tuổi, kết quả: hồ sơ và thủ tục đầy đủ; thời điểm hưởng trợ cấp theo quy định pháp luật.

b) Hồ sơ, thủ tục điều chỉnh, thôi hưởng, tạm dừng trợ cấp xã hội

- UBND huyện đã ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp xã hội đối với 1.110 đối tượng (năm 2021: 320 đối tượng; năm 2022: 629 đối tượng; năm 2023: 161 đối tượng).

- Kiểm tra 24 hồ sơ đối tượng điều chỉnh trợ cấp hằng tháng (12 hồ sơ thuộc xã Đồng Thắng; 09 hồ sơ thuộc thị trấn Bằng Lũng; 03 hồ sơ thuộc xã Ngọc Phái), kết quả: hồ sơ đầy đủ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, 07 trường hợp điều chỉnh chưa đúng thời điểm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021 dẫn đến chi thiếu cho 07 đối tượng số tiền 4.680.000 đồng, cụ thể:

1. Bà Triệu Thị Hiền, sinh ngày 16/3/1940, thôn Nà Pèng, xã Đồng Thắng, điều chỉnh đối tượng người từ đủ 80 tuổi sang đối tượng người cao tuổi là người khuyết tật nặng, điều chỉnh tăng mức trợ cấp thiếu 01 tháng, số tiền 360.000 đồng.

2. Bà La Thị Cẩm, sinh ngày 21/12/1933, thôn Nà Pèng, xã Đồng Thắng, điều chỉnh đối tượng người từ đủ 80 tuổi sang đối tượng người cao tuổi là người khuyết tật nặng, điều chỉnh tăng mức trợ cấp thiếu 01 tháng, số tiền 360.000 đồng.

3. Bà Nông Thị Xuân, sinh ngày 14/5/1940, thôn Làng Sen, xã Đồng Thắng, điều chỉnh đối tượng người từ đủ 80 tuổi sang đối tượng người cao tuổi là người khuyết tật đặc biệt nặng, điều chỉnh tăng mức trợ cấp thiếu 01 tháng, số tiền 540.000 đồng.

4. Ông Hà An Hữu, sinh ngày 13/9/1962, thôn Làng Sen, xã Đồng Thắng, điều chỉnh đối tượng người khuyết tật nặng sang người cao tuổi là người khuyết tật nặng, điều chỉnh tăng mức trợ cấp thiếu 03 tháng x 180.000 đồng = 540.000 đồng.

5. Ông Triệu Duy Quang, sinh ngày 20/7/1962, thôn Nà Pài, thị trấn Bằng Lũng, điều chỉnh đối tượng từ người khuyết tật đặc biệt nặng sang người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, điều chỉnh tăng mức trợ cấp thiếu 02 tháng x 180.000 đồng = 360.000 đồng.

6. Ông Đặng Văn Cường, sinh ngày 05/6/1962, thôn Bản Diều, xã Ngọc Phái, điều chỉnh đối tượng từ người khuyết tật nặng sang người khuyết tật nặng là người cao tuổi, điều chỉnh tăng mức trợ cấp thiếu 02 tháng x 180.000 đồng = 360.000 đồng.

7. Bà Lý Thị Hồng, sinh ngày 29/01/1961, thôn Bản Diều, xã Ngọc Phái, điều chỉnh đối tượng từ người khuyết tật nặng sang người khuyết tật nặng là người cao tuổi, điều chỉnh tăng mức trợ cấp thiếu 12 tháng x 180.000 đồng = 2.160.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

- Kiểm tra 10 hồ sơ đối tượng thôi hưởng trợ cấp (05 hồ sơ thôi hưởng trợ cấp do đối tượng chết; 05 hồ sơ không còn đủ điều kiện hưởng), kết quả: đã thực hiện theo quy định pháp luật đối với từng loại đối tượng; hồ sơ lưu trữ đầy đủ giấy tờ, tài liệu theo quy định pháp luật.

c) Hồ sơ, thủ tục đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở TGXH

- Hồ sơ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại cơ sở TGXH: không phát sinh.

- Hồ sơ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng khẩn cấp tại cơ sở TGXH: 05 đối tượng là người khuyết tật đặc biệt nặng dạng thần kinh, tâm thần có hành vi nguy hiểm cho bản thân, gia đình và cộng đồng được hưởng chế độ TGXH khẩn cấp tại cơ sở TGXH theo Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh (năm 2021: 01 đối tượng; năm 2022: 04 đối tượng). UBND huyện và UBND cấp xã đã lập hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn để quản lý, chăm sóc theo quy định.

d) Hồ sơ, thủ tục đối tượng hưởng chế độ TGXH khẩn cấp

- Đã thực hiện TGXH khẩn cấp cho 15 hộ gia đình sửa chữa, làm mới, di dời nhà ở, kinh phí 370.000.000 đồng; hỗ trợ 108.330 kg gạo trong dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt cho 2.099 hộ gia đình, kinh phí 1.705.292.000 đồng; hỗ trợ 03 người bị thương và hỗ trợ chi phí mai táng 01 người, kinh phí 42.300.000 đồng.

- Kiểm tra hồ sơ, chứng từ hỗ trợ khẩn cấp, kết quả: đã hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mức theo quy định pháp luật; chứng từ lưu trữ đầy đủ.

đ) Việc lưu trữ hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội

Hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội được lưu trữ đầy đủ theo đơn vị cấp xã; theo từng nhóm đối tượng và từng năm.

3.3. Tại xã Đồng Thắng

a) Việc xác định mức độ khuyết tật

- Đã ban hành quyết định và kiện toàn Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (sau đây viết tắt là HĐXĐMĐKT).

- Đã xác định mức độ khuyết tật đối với 80 đối tượng, trong đó: 04 đối tượng khuyết tật nhẹ; 40 đối tượng khuyết tật nặng; 36 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng (năm 2021: 29 đối tượng; năm 2022: 43 đối tượng; năm 2023: 08 đối tượng).

- Kiểm tra toàn bộ 80 hồ sơ xác định mức độ khuyết tật lưu tại UBND xã Đồng Thắng, kết quả: hồ sơ và thủ tục, trình tự thực hiện theo quy định pháp luật.

- Xác minh trực tiếp 09 đối tượng khuyết tật đang hưởng trợ cấp hằng tháng tại xã Đồng Thắng, kết quả: 09/09 đối tượng đều đúng dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật theo hồ sơ xác định mức độ khuyết tật; đã nhận trợ cấp đầy đủ.

b) Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện TGXH

- Đã hướng dẫn đối tượng bảo trợ xã hội lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp hằng tháng; tiếp nhận và xét duyệt 75 hồ sơ (năm 2021: 25 đối tượng; năm 2022: 49 đối tượng; năm 2023: 01 đối tượng).

+ Kiểm tra toàn bộ 75 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng lưu tại UBND xã Đồng Thắng, kết quả: hồ sơ đầy đủ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, có 04 trường hợp thời gian xét duyệt hồ sơ của UBND xã không đảm bảo trong thời hạn 07 ngày làm việc quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021:

1. Hồ sơ ông Đinh Ngọc Lượng, sinh ngày 02/8/2011, thôn Khau Chủ, xã Đồng Thắng, đối tượng khuyết tật nặng: tờ khai của đối tượng ngày 29/10/2021, tờ trình của UBND xã ngày 22/11/2021 (16 ngày làm việc).

2. Hồ sơ ông Hoàng Văn Toan, sinh ngày 14/8/1943, thôn Nà Chang, xã Đồng Thắng, đối tượng khuyết tật nặng: tờ khai của đối tượng ngày 19/5/2022, tờ trình của UBND xã ngày 07/6/2022 (13 ngày làm việc).

3. Hồ sơ ông Triệu Văn Thước, sinh ngày 10/10/1949, thôn Nà Kham, xã Đồng Thắng, đối tượng khuyết tật nặng: tờ khai của đối tượng ngày 19/5/2022, tờ trình của UBND xã ngày 07/6/2022 (13 ngày làm việc).

4. Hồ sơ bà Triệu Thị Hiền, sinh ngày 16/3/1940, thôn Kéo Háy, xã Đồng Thắng, đối tượng khuyết tật nặng: tờ khai của đối tượng ngày 19/5/2022, tờ trình của UBND xã ngày 07/6/2022 (13 ngày làm việc).

+ Xác minh 03 trường hợp hưởng chế độ người đơn thân nghèo đang nuôi con tại xã Đồng Thắng, kết quả: 03/03 đối tượng đều có tên trong danh sách hộ

nghèo được Chủ tịch UBND cấp xã Đồng Thắng phê duyệt năm 2022; hiện tại đang đơn thân và nuôi con nhỏ.

- Đã rà soát, ban hành văn bản đề nghị UBND huyện ban hành quyết định điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp đối với 65 đối tượng (năm 2021: 23 đối tượng; năm 2022: 35 đối tượng; năm 2023: 07 đối tượng); hỗ trợ chi phí mai táng đối với 16 đối tượng (năm 2021: 05 đối tượng; năm 2022: 09 đối tượng; đến tháng 02/2023: 02 đối tượng).

Kiểm tra 09 hồ sơ hỗ trợ chi phí mai táng năm 2022 lưu tại UBND xã Đồng Thắng, kết quả: hồ sơ đầy đủ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, có 02 trường hợp thời gian xét duyệt hồ sơ của UBND xã không đảm bảo trong thời hạn 02 ngày làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021:

1. Hồ sơ ông Trịnh Đình Thuyên, sinh ngày 11/11/1964, thôn Nà Pèng, xã Đồng Thắng, chết ngày 13/3/2022: tờ khai đề nghị ngày 21/3/2022; công văn đề nghị của UBND xã ngày 01/4/2022 (10 ngày làm việc).

2. Hồ sơ bà Nguyễn Thị Lanh, sinh ngày 22/02/1923, thôn Kéo Háy, xã Đồng Thắng, chết ngày 06/3/2022: tờ khai đề nghị ngày 14/3/2022; công văn đề nghị của UBND xã ngày 01/4/2022 (15 ngày làm việc).

- Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng và chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp: không phát sinh.

- TGXH khẩn cấp: đã cấp phát hỗ trợ 2.805 kg gạo trong dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt cho 82 hộ gia đình do Phòng LĐTBXH huyện chuyển đến (năm 2021: hỗ trợ 915 kg gạo cho 33 hộ gia đình; năm 2022: hỗ trợ 1.440 kg gạo cho 32 hộ gia đình; năm 2023: hỗ trợ 450 kg gạo cho 17 hộ gia đình).

- Đưa đối tượng bảo trợ xã hội vào các cơ sở TGXH: không phát sinh.

3.4. Tại thị trấn Bằng Lũng

a) Việc xác định mức độ khuyết tật

- Đã ban hành quyết định và kiện toàn HĐXĐMĐKT.

- Đã xác định mức độ khuyết tật đối với 63 đối tượng, trong đó: 04 đối tượng khuyết tật nhẹ; 26 đối tượng khuyết tật nặng; 32 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng; 01 đối tượng đã giám định tại hội đồng y khoa (năm 2021: 23 đối tượng; năm 2022: 40 đối tượng).

- Kiểm tra toàn bộ 63 hồ sơ xác định mức độ khuyết tật lưu tại UBND thị trấn Bằng Lũng, kết quả: hồ sơ và thủ tục, trình tự thực hiện theo quy định pháp luật.

- Xác minh trực tiếp 20 đối tượng khuyết tật đang hưởng trợ cấp hàng tháng thuộc thị trấn Bằng Lũng, kết quả: 20/20 đối tượng đều đúng dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật theo hồ sơ xác định mức độ khuyết tật; đã nhận trợ cấp đầy đủ.

b) Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện TGXH

- Đã hướng dẫn đối tượng bảo trợ xã hội lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp hằng tháng; tiếp nhận và xét duyệt 131 hồ sơ (năm 2021: 59 đối tượng; năm 2022: 62 đối tượng; năm 2023: 10 đối tượng).

+ Kiểm tra 131 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng lưu tại UBND thị trấn Bằng Lũng, kết quả: hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn xét duyệt theo quy định pháp luật.

+ Xác minh 06 trường hợp hưởng chế độ người đơn thân nghèo đang nuôi con tại thị trấn Bằng Lũng, kết quả: hiện tại, 06/06 đối tượng đang đơn thân và nuôi con.

+ Đối chiếu 24 đối tượng với danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022, gồm 06 đối tượng là người đơn thân nghèo đang nuôi con; 12 đối tượng là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; 06 đối tượng là người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo, kết quả: 24/24 đối tượng đều có tên trong danh sách hộ nghèo/cận nghèo được Chủ tịch UBND thị trấn Bằng Lũng phê duyệt năm 2022.

- Đã rà soát, ban hành văn bản đề nghị UBND huyện xem xét, quyết định điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp đối với 73 đối tượng, trong đó 15 đối tượng điều chỉnh trợ cấp hằng tháng, 57 đối tượng thôi hưởng trợ cấp hằng tháng; 01 đối tượng tạm dừng trợ cấp (năm 2021: 17 đối tượng; năm 2022: 53 đối tượng; tính đến tháng 02/2023: 03 đối tượng).

+ Kiểm tra toàn bộ 15 hồ sơ điều chỉnh trợ cấp hằng tháng, kết quả: hồ sơ đầy đủ theo quy định pháp luật.

+ Kiểm tra toàn bộ 57 hồ sơ thôi hưởng trợ cấp hằng tháng do đối tượng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp: đã rà soát, ban hành công văn gửi Phòng LĐTBXH huyện để điều chỉnh giảm kịp thời.

- Đã xét duyệt hồ sơ hỗ trợ chi phí mai táng phí đối với 17 đối tượng (năm 2021: 05 hồ sơ; năm 2022: 11 hồ sơ; năm 2023: 01 hồ sơ).

Kiểm tra toàn bộ 17 hồ sơ hỗ trợ chi phí mai táng lưu tại UBND thị trấn Bằng Lũng, kết quả: hồ sơ đầy đủ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, có 03 trường hợp thời gian xét duyệt hồ sơ của UBND thị trấn không đảm bảo trong thời hạn 02 ngày làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021:

1. Hồ sơ ông Lục Văn Thịnh, sinh ngày 26/6/1978, tổ 10, thị trấn Bằng Lũng, chết ngày 29/01/2021; tờ khai đề nghị ngày 05/02/2021; công văn đề nghị của UBND thị trấn ngày 18/02/2021 (09 ngày làm việc).

2. Hồ sơ ông Phạm Xuân Trọng, sinh ngày 01/3/1989, Bản Duồng 2, thị trấn Bằng Lũng, chết ngày 12/3/2021; tờ khai đề nghị ngày 09/4/2021; công văn đề nghị của UBND thị trấn ngày 19/4/2021 (05 ngày làm việc).



3. Hồ sơ bà Nông Thị Tây, sinh ngày 19/3/1938, tổ 9B, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, chết ngày 11/10/2022; tờ khai đề nghị ngày 19/10/2022; công văn đề nghị của UBND thị trấn ngày 26/10/2022 (05 ngày làm việc).

- Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng và chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp: 01 đối tượng (năm 2021).

- TGXH khẩn cấp: đã cấp phát hỗ trợ 9.155 kg gạo trong dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt cho 218 hộ gia đình do Phòng LĐTBOXH huyện chuyển đến (năm 2021: hỗ trợ 2.430 kg gạo cho 57 hộ gia đình; năm 2022: hỗ trợ 4.520 kg gạo cho 83 hộ gia đình; năm 2023: hỗ trợ 1.200 kg gạo cho 30 hộ gia đình).

- Đưa đối tượng bảo trợ xã hội vào các cơ sở TGXH: 01 đối tượng năm 2022 (đối tượng khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng được đưa vào Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn để quản lý, chăm sóc khẩn cấp 03 tháng).

3.5. Kiểm tra, xác minh đối tượng bảo trợ xã hội tại xã Ngọc Phái

- Xác minh trực tiếp 01 đối tượng khuyết tật đang hưởng trợ cấp hằng tháng, kết quả: đúng dạng khuyết tật và mức độ khuyết độ theo hồ sơ xác định mức độ khuyết tật; đã nhận trợ cấp đầy đủ.

- Xác minh 04 đối tượng là người đơn thân nghèo đang nuôi con tại xã Ngọc Phái, kết quả: 04/04 đối tượng đều có tên trong danh sách hộ nghèo/cận nghèo được Chủ tịch UBND xã Ngọc Phái phê duyệt năm 2022; đang đơn thân và nuôi con nhỏ.

4. Công tác chi trả chế độ TGXH

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định thực hiện chi trả chính sách TGXH hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả, mức lệ phí chi trả là 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả; giao UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn liên quan lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả.

4.1. Tại huyện Chợ Đồn

- Phòng LĐTBOXH ký kết hợp đồng với Bưu điện huyện Chợ Đồn chi trả chính sách TGXH thường xuyên và hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; Phòng LĐTBOXH chi hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng.

- Nội dung Hợp đồng số 02/2023/LĐTBOXH-BĐCĐ ngày 03/01/2023 giữa Phòng LĐTBOXH và Bưu điện huyện Chợ Đồn về thời điểm chuyển tiền chi trả và thời điểm thanh quyết toán kinh phí không đúng quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021, cụ thể: khoản 3 Điều 4 Hợp đồng quy định trước ngày 13 hằng tháng, Phòng LĐTBOXH chuyển tiền cho Bưu điện huyện nhưng Nghị định quy định trước ngày 25 của tháng trước chuyển tiền để chi trả của tháng sau; khoản 7 Điều 4 Hợp đồng quy định ngày 25 hằng tháng Bưu điện huyện thanh quyết toán kinh phí với Phòng LĐTBOXH nhưng Nghị định quy định trước ngày 20 hằng tháng.

- Phòng LĐTĐBXH đã hướng dẫn, kiểm tra và giám sát Bưu điện huyện trong việc triển khai công tác chi trả cho đối tượng; đã tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện chính sách TGXH về Sở LĐTĐBXH.

- Kiểm tra danh sách ký nhận trợ cấp thường xuyên tháng 12/2021 do Bưu điện huyện Chợ Đồn thực hiện chi trả, kết quả: có đầy đủ chữ ký của đối tượng, trường hợp ký thay đều có giấy ủy quyền.

4.2. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

- Việc chi trả TGXH thường xuyên, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội do Bưu điện xã thực hiện; chi trả TGXH khẩn cấp gạo cho hộ gia đình do UBND xã thực hiện, có danh sách ký nhận của đại diện các hộ gia đình gửi Phòng LĐTĐBXH.

- Hằng tháng, UBND cấp xã rà soát, báo cáo tăng, giảm đối tượng bảo trợ xã hội về Phòng LĐTĐBXH.

5. Kinh phí thực hiện chính sách TGXH

5.1. Toàn tỉnh

- Tổng kinh phí được giao thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên trong toàn tỉnh là 19.470.868.000 đồng (năm 2021: 2.808.199.000 đồng; năm 2022: 3.632.609.000 đồng; năm 2023: 13.249.743.000 đồng).

- Tổng kinh phí đã sử dụng là 6.599.840.000 đồng (năm 2021: 2.804.156.000 đồng; năm 2022: 3.632.609.000 đồng; tính đến tháng 02/2023: 163.075.000 đồng).

- Kinh phí hỗ trợ từ tổ chức nước ngoài (tổ chức Kinderhilfe - cộng hòa Liên bang Đức): 352.079.000 đồng (năm 2021: 249.320.000 đồng; năm 2022: 102.759.000 đồng); đã sử dụng 352.079.000 đồng (năm 2021: 116.124.000 đồng; năm 2022: 235.955.000 đồng); năm 2023: chưa nhận tài trợ.

- Kinh phí hỗ trợ từ tổ chức, cá nhân trong nước: 408.000.000 đồng (năm 2021: 107.464.000 đồng; năm 2022: 209.717.000 đồng; năm 2023: 91.743.000 đồng); đã sử dụng 198.421.000 đồng (năm 2021: 60.247.000 đồng; năm 2022: 138.175.000 đồng; năm 2023: chưa chi).

5.2. Tại huyện Chợ Đồn

- Tổng kinh phí được giao thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên là 58.094.154.000 đồng (năm 2021: 14.431.558.000 đồng; năm 2022: 20.473.596.000 đồng; năm 2023: 23.189.000.000 đồng).

- Tổng kinh phí đã sử dụng là 36.792.678.000 đồng (năm 2021: 14.199.103.000 đồng; năm 2022: 19.419.381.000 đồng; tính đến tháng 02/2023 là 3.174.194.000 đồng).

- Kiểm tra chứng từ chi TGXH khẩn cấp; chi hỗ trợ 128 hộ nghèo quà và tiền dịp Tết Nguyên đán năm 2021 (200.000 đồng tiền mặt và suất quà trị giá 200.000

đồng/hộ gia đình), tổng số tiền 51.200.000 đồng từ nguồn tài trợ của tổ chức trong nước, kết quả: chứng từ lưu trữ đầy đủ.

5.3. Tại 02 đơn vị cấp xã được thanh tra

a) Tại xã Đông Thắng

- Tổng kinh phí đã chi trả chính sách trợ giúp thường xuyên đến đối tượng bảo trợ xã hội là 1.814.490.000 đồng (năm 2021: 630.810.000 đồng; năm 2022: 1.017.540.000 đồng; tính đến tháng 2/2023: 166.140.000 đồng).

- Chưa bố trí kinh phí và chi thực hiện xác định mức độ khuyết tật (chi văn phòng phẩm; biểu mẫu; mua sổ, sách, tài liệu phục vụ cho công tác quản lý; chi họp HĐXĐMĐKT).

- Tiếp nhận, sử dụng kinh phí hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cấp xã: không phát sinh.

b) Tại thị trấn Bằng Lũng

- Tổng kinh phí đã chi trả chính sách trợ giúp thường xuyên đến đối tượng bảo trợ xã hội là 3.002.380.000 đồng (năm 2021: 1.164.690.000 đồng; năm 2022: 1.573.200.000 đồng; tháng 02/2023: 264.490.000 đồng).

- Kinh phí và nội dung chi cho công tác xác định mức độ khuyết tật:

+ Năm 2021: chưa bố trí kinh phí và chi thực hiện xác định mức độ khuyết tật.

+ Năm 2022, đã chi 2.990.000 đồng (chi họp HĐXĐMĐKT 1.840.000 đồng; chi cho 01 đối tượng giám định tại Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn 1.150.000 đồng). Kiểm tra hồ sơ chứng từ chi năm 2022, kết quả: đã chi đúng mức, chứng từ lưu trữ đầy đủ.

+ Năm 2023, chưa thực hiện xác định mức độ khuyết tật, chưa phát sinh nội dung chi.

- Tiếp nhận, sử dụng kinh phí hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cấp xã: không phát sinh.

C. KẾT LUẬN

I. Những quy định của pháp luật về chính sách TGXH đã được địa phương thực hiện

1. Sở LĐTBXH

1.1. Đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐNN ngày 10/12/2022 quy định mức chuẩn TGXH, mức TGXH đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác tại tỉnh Bắc Kạn; tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo và ban hành văn bản theo thẩm quyền triển khai, tổ chức thực hiện chính sách TGXH.

1.2. Đã phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách TGXH và 08 tin bài về các hoạt động TGXH tại Cổng thông tin điện tử của Sở.

1.4. Đã tổ chức 06 lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về chính sách TGXH cho 570 người là công chức Phòng LĐTBXH, cơ sở bảo trợ xã hội, công chức văn hóa - xã hội cấp xã, cộng tác viên y tế, trưởng thôn, hội người cao tuổi, Mặt trận tổ quốc và hội phụ nữ cấp xã.

1.5. Đã thực hiện 17 cuộc kiểm tra thực hiện chính sách TGXH tại cơ sở bảo trợ xã hội và UBND cấp huyện.

1.6. Đã tiếp nhận và xử lý 05 đơn của công dân về lĩnh vực TGXH theo quy định pháp luật.

1.7. Đã quản lý, thống kê tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng và TGXH khẩn cấp trong toàn tỉnh; sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi đối tượng.

1.8. Đã thực hiện xem xét, thẩm định 22 hồ sơ đề nghị tiếp nhận đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở TGXH theo quy định pháp luật.

1.9. Đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thực hiện việc chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội trong toàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

2. UBND huyện Chợ Đồn

2.1. Đã ban hành văn bản và chỉ đạo Phòng LĐTBXH, UBND cấp xã triển khai, tổ chức thực hiện chính sách về TGXH.

2.2. Đã phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách TGXH thông qua hệ thống đài truyền thanh, lồng ghép tại các buổi giao ban định kỳ hằng quý.

2.3. Đã tổ chức 03 lớp tập huấn triển khai về chế độ, chính sách TGXH cho 492 người là công chức văn hóa - xã hội cấp xã và trưởng thôn.

2.4. Đã quản lý, thống kê tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng và TGXH khẩn cấp trong toàn huyện; sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi đối tượng.

2.5. Kết quả kiểm tra 245 hồ sơ lưu tại huyện: hồ sơ đầy đủ theo quy định pháp luật; thủ tục thực hiện và thời điểm hưởng trợ cấp cơ bản đúng quy định pháp luật.

2.6. Xác minh trực tiếp 43 đối tượng bảo trợ xã hội (xã Đồng Thắng: 12 đối tượng; thị trấn Bằng Lũng: 26 đối tượng; xã Ngọc Phái: 05 đối tượng), kết quả: đúng đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và nhận trợ cấp đầy đủ.

2.7. Đã lưu hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội đầy đủ theo đơn vị cấp xã, từng nhóm đối tượng và từng năm; sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi đối tượng.

2.8. Phòng LĐTBXH huyện đã ký kết hợp đồng dịch vụ chi trả với Bưu điện huyện Chợ Đồn.

3. UBND xã Đồng Thắng và thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn

3.1. Đã ban hành văn bản và triển khai, thực hiện chính sách TGXH tại địa bàn cấp xã.

3.2. Đã lồng ghép phổ biến các văn bản pháp luật về chính sách TGXH thông qua các buổi họp do UBND cấp xã tổ chức.

3.3. Đã thành lập HỖXĐMĐKT và tổ chức xác định mức độ khuyết tật, xác định lại mức độ khuyết tật; hướng dẫn lập hồ sơ điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng cho đối tượng theo quy định pháp luật.

3.4. Đã rà soát, thống kê, phân loại đối tượng; sử dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; hồ sơ được lưu trữ theo từng loại đối tượng và từng năm.

3.5. Kết quả kiểm tra 143 hồ sơ xác định mức độ khuyết tật (xã Đồng Thắng: 80 hồ sơ; thị trấn Bằng Lũng: 63 hồ sơ): hồ sơ và thủ tục, trình tự thực hiện theo quy định pháp luật.

4. Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn

4.1. Hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo các điều kiện về môi trường và vị trí, cơ sở vật chất.

4.2. Tổ chức bộ máy có Ban Giám đốc, 02 phòng chuyên môn với tổng số 32 viên chức, người lao động.

4.3. Hồ sơ tiếp nhận và dùng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng được lập, lưu giữ đầy đủ; quy trình, thủ tục thực hiện theo quy định pháp luật; sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi đối tượng.

4.4. Đã thực hiện quy trình TGXH đối với các đối tượng; thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, học văn hóa, học nghề, văn hóa, thể dục, thể thao và vui chơi, giải trí, tổ chức lao động sản xuất trị liệu cho đối tượng theo quy định pháp luật.

4.5. Đã ban hành quy chế làm việc; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân.

II. Những quy định của pháp luật về chính sách TGXH chưa được địa phương thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

1. Sở LĐTBXH

Chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

2. UBND huyện Chợ Đồn

2.1. Chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021.

2.2. Chưa tổ chức hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.

2.3. Chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách TGXH trong địa bàn huyện theo nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND huyện quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Phòng LĐTBXH chưa thực hiện kiểm tra công tác xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019.

2.4. Có 06 trường hợp thời gian ban hành quyết định trợ cấp của UBND huyện vượt quá thời hạn 03 ngày làm việc theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021 (*chi tiết tại tiết a điểm 3.2 khoản 3 mục II Phần B Kết luận thanh tra này*).

2.5. Có 07 trường hợp điều chỉnh mức trợ cấp xã hội hằng tháng không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021 dẫn đến chi thiếu cho đối tượng số tiền 4.680.000 đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

2.6. Nội dung hợp đồng dịch vụ chi trả giữa Phòng LĐTBXH và Bưu điện huyện Chợ Đồn về thời điểm chuyển tiền chi trả và thời điểm thanh quyết toán kinh phí không đúng quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021.

3. UBND xã Đông Thắng, huyện Chợ Đồn

3.1. Chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021.

3.2. Chưa bố trí kinh phí tuyên truyền và chưa thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019.

3.3. Chưa tổ chức hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021.

3.4. Có 04 trường hợp xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội của UBND xã vượt quá thời hạn 07 ngày làm việc quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021 (*chi tiết tại tiết b điểm 3.3 khoản 3 mục II Phần B Kết luận thanh tra này*).

3.5. Có 02 trường hợp xét duyệt hồ sơ hỗ trợ mai táng phí của UBND xã vượt quá thời hạn 02 ngày làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021 (*chi tiết tại tiết b điểm 3.3 khoản 3 mục II Phần B Kết luận thanh tra này*).

3.6. Chưa bố trí kinh phí và chi thực hiện xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019.

4. UBND thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn

4.1. Chưa bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021.

4.2. Chưa bố trí kinh phí tuyên truyền và chưa thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019.

4.3. Chưa tổ chức hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021.

4.4. Có 03 trường hợp xét duyệt hồ sơ hỗ trợ mai táng phí của UBND thị trấn vượt quá thời hạn 02 ngày làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021 (*chi tiết tại tiết b điểm 3.4 khoản 3 mục II Phần B Kết luận thanh tra này*).

4.5. Năm 2021, chưa bố trí kinh phí và chi thực hiện xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019.

5. Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn

5.1. Chưa tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ đầy đủ cho từng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017: năm 2021 chưa kiểm tra sức khỏe đối với 21 trẻ em; năm 2022 chưa kiểm tra sức khỏe đối với 08 trẻ em (*chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

5.2. Chưa thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Đối với Giám đốc Sở LĐTBXH

1. Bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH nêu tại khoản 1 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức được thanh tra khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

3. Thông báo về những thiếu sót của các cơ quan, tổ chức được thanh tra đến các huyện, thành phố trong địa bàn tỉnh để thực hiện tự kiểm tra, rà soát, khắc phục kịp thời những thiếu sót tương tự.

II. Đối với Chủ tịch UBND huyện Chợ Đồn

1. Bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH nêu tại điểm 2.1 khoản 2 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.
2. Chỉ đạo các phòng chuyên môn có liên quan tổ chức hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách TGXH; chỉnh sửa nội dung hợp đồng dịch vụ chi trả nêu tại điểm 2.2, điểm 2.3 và điểm 2.6 khoản 2 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.
3. Rút kinh nghiệm, không để xảy ra việc chậm ban hành quyết định trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội nêu tại điểm 2.4 khoản 2 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.
4. Truy trả số tiền 4.680.000 đồng đối với 07 đối tượng do thời điểm điều chỉnh đối tượng và mức trợ cấp xã hội không đúng quy định pháp luật nêu tại điểm 2.5 khoản 2 mục II Phần C Kết luận thanh tra này (*chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).
5. Chỉ đạo Phòng LĐTBXH rà soát toàn bộ hồ sơ điều chỉnh đối tượng, mức trợ cấp xã hội trong toàn huyện và xử lý theo quy định pháp luật, đảm bảo đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 13/5/2021.
6. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND xã Đồng Thắng khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 3 mục II Phần C Kết luận thanh tra này; UBND thị trấn Bằng Lũng khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 4 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.
7. Thông báo về những thiếu sót của các đơn vị cấp xã được thanh tra đến các xã trong địa bàn huyện để thực hiện tự kiểm tra, rà soát, khắc phục kịp thời những thiếu sót tương tự.

III. Đối với Chủ tịch UBND xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn

1. Bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH, xác định mức độ khuyết tật; hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội; bố trí kinh phí và chi thực hiện xác định mức độ khuyết tật nêu tại điểm 3.1, điểm 3.2, điểm 3.3 và điểm 3.6 khoản 3 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.
2. Rút kinh nghiệm, không để xảy ra việc chậm xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội, hồ sơ hỗ trợ mai táng phí nêu tại điểm 3.4 và điểm 3.5 khoản 3 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

IV. Đối với Chủ tịch UBND thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn

1. Bố trí kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách TGXH, xác định mức độ khuyết tật; hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ cho hộ gia đình và cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội nêu tại điểm 4.1, điểm 4.2 và điểm 4.3 khoản 4 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.
2. Rút kinh nghiệm, không để xảy ra việc chậm xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ mai táng phí nêu tại điểm 4.4 khoản 4 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

V. Đối với Giám đốc Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn

Tổ chức kiểm tra sức khoẻ định kỳ đầy đủ cho từng đối tượng; thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán nêu tại khoản 5 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

E. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Chủ tịch UBND huyện Chợ Đồn, Chủ tịch UBND xã Đồng Thắng, Chủ tịch UBND thị trấn Bằng Lũng, Giám đốc Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn, thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần D Kết luận thanh tra này, báo cáo kết quả thực hiện và các hồ sơ, tài liệu kèm theo về Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Kạn để tổng hợp trước ngày 15/6/2023.

Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Kạn tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại Phần D Kết luận thanh tra này, tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của các cơ quan, tổ chức nêu trên và báo cáo kết quả kèm hồ sơ tài liệu gửi về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/6/2023. /.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Kạn (để t/h);
- Huyện Chợ Đồn: UBND huyện; UBND xã Đồng Thắng; UBND thị trấn Bằng Lũng (để t/h);
- Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

**KT.CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp



Phục lục 01. Danh sách đối tượng chưa được Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ năm 2021 và năm 2022

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Chưa khám sức khỏe năm 2021	Chưa khám sức khỏe năm 2022
1	Sào Văn Sinh	28/9/2004	x	x
2	Hoàng Trọng Vinh	28/3/2004	x	x
3	Hoàng Thị Phụng	21/2/2002	x	x
4	Đàm Phương Thanh	12/1/2007	x	
5	Triệu Việt Hưng	06/3/2005	x	x
6	Trương Á Vừ	02/6/2002	x	
7	Hoàng Thị Tranh	25/7/2006	x	
8	Nông Hoàng Anh Tuấn	29/3/2008	x	
9	Bàn Văn Luật	24/8/2007	x	
10	Hầu Thị Nhung	28/12/2006	x	
11	Hầu Văn Trường	01/5/2005	x	x
12	Bé Thị Hồng	21/7/2004	x	x
13	Nông Mã Hưng	01/2/2003	x	x
14	Mùng Thị Liên	14/9/2014	x	
15	Dương Thị Linh	10/10/2007	x	
16	Dương Văn Thông	15/3/2009	x	
17	Dương Thị Bích Ngọc	03/10/2007	x	
18	Giàng Thị Hoa	09/10/2005	x	x
19	Ma Văn Hùng	21/9/2012	x	
20	Hoàng Thị Thùy Nhung	13/11/2007	x	
21	Lý Mùi Siết	01/02/2008	x	
Tổng cộng			21	08



Phụ lục 02: Danh sách đối tượng truy lĩnh trợ cấp do UBND huyện Chợ Đồn xác định sai thời điểm điều chỉnh

Stt	Họ và tên - Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng trước điều chỉnh	Mức trợ cấp trước điều chỉnh	Đối tượng sau điều chỉnh	Mức trợ cấp sau điều chỉnh	Thời gian điều chỉnh tại QĐ của UBND huyện	Thời gian điều chỉnh theo K1Đ8 NĐ20	Cơ sở điều chỉnh	Số tiền chênh lệch/tháng (đồng)	Số tháng chưa được điều chỉnh	Số tiền hưởng thiếu/truy lĩnh (đồng)
1	Triệu Thị Hiền 16/3/1940	Thôn Nà Pèng, xã Đông Thắng	NCT = 80 tuổi	360.000	KTN CT	720.000	Tháng 6/2022	Tháng 5/2022	Giấy XĐMĐKT ngày 19/5/2022	360.000	01	360.000
2	La Thị Cẩm 21/12/1933	Thôn Nà Pèng, xã Đông Thắng	NCT = 80 tuổi	360.000	KTN CT	720.000	Tháng 6/2022	Tháng 5/2022	Giấy XĐMĐKT ngày 19/5/2022	360.000	01	360.000
3	Nông Thị Xuân 14/5/1940	Thôn Làng Sen, xã Đông Thắng	NCT = 80 tuổi	360.000	KTĐBN CT	900.000	Tháng 5/2022	Tháng 4/2022	Giấy XĐMĐKT ngày 15/4/2022	540.000	01	540.000
4	Hà An Hữu 13/9/1962	Thôn Làng Sen, xã Đông Thắng	KTN	540.000	KTN CT	720.000	Tháng 12/2022	Tháng 9/2022	Tháng 9/2022 đủ 60 tuổi	180.000	03	540.000
5	Triệu Duy Quang 20/7/1962	Thôn Nà Pài, thị trấn Bằng Lũng	KTĐBN	720.000	KTĐBN CT	900.000	Tháng 9/2022	Tháng 7/2022	Tháng 7/2022 đủ 60 tuổi	180.000	02	360.000

6	Đặng Văn Cường 05/6/1962	Thôn Bán Diều, xã Ngọc Phái	KTN	540.000	KTN CT	720.000	Tháng 8/2022	Tháng 6/2022	Tháng 6/2022 đủ 60 tuổi	180.000	02	360.000
7	Lý Thị Hồng 29/01/1961	Thôn Bán Diều, xã Ngọc Phái	KTN	540.000	KTN CT	720.000	Tháng 7/2022	Tháng 07/2021	Tháng 01/2021 đủ 60 tuổi nhưng điều chỉnh từ tháng 7/2021 - khi NĐ20 có hiệu lực	180.000	12	2.160.000
Tổng số												4.680.000

Ghi chú:

- NCT: người cao tuổi;
- KTN: người khuyết tật nặng;
- KTDBN: người khuyết tật đặc biệt nặng;
- KTNCT: người khuyết tật nặng cao tuổi;
- KTDBNCT: người khuyết tật đặc biệt nặng cao tuổi.

